**ĐỊNH NGHĨA CĂN BẢN VỀ KHUYẾT TẬT HỌC TẬP (LEARNING DISABILITIES) VÀ 7 LOẠI TRONG KHUYẾT TẬT HỌC TẬP**

Các khuyết tật học tập (learning disabilities) là do các yếu tố di truyền và/hoặc sinh học thần kinh làm thay đổi chức năng não bộ theo 1 phương thức gây ảnh hưởng đến một hay nhiều quá trình nhận thức liên quan đến học tập. Những vấn đề về mặt xử lý có thể gây cản trở đến việc học những kỹ năng cơ bản như đọc, viết và/hoặc tính toán. Các vấn đề này cũng có thể gây trở ngại đến các kỹ năng ở mức cao hơn như kỹ năng tổ chức, lên kế hoạch thời gian, suy luận trừu tượng, trí nhớ ngắn hoặc dài hạn và cả sự chú ý. Điều quan trọng cần nhận ra đó là các khuyết tật học tập có thể ảnh hưởng đến đời sống của 1 cá nhân không chỉ về mặt học thuật, mà còn có thể ảnh hưởng đến các mối quan hệ gia đình, bè bạn và công việc.

Các loại khuyết tật học tập thường có thể được chia làm 7 loại theo 1 cách phân loại:

1. **Dyslexia (chứng khó đọc/rối loạn đọc):** dưới khái niệm chung về khuyết tật học tập, nhiều khuyết tật đã được phân loại vào 1 trong 3 nhóm sau: dyslexia, dysgraphia (tạm dịch: rối loạn viết/vẽ) và dyscalulia (rối loạn tính toán). Rối loạn đọc là 1 rối loạn xử lý ngôn ngữ ảnh hưởng đến việc đọc, viết và hiểu. Người có rối loạn đọc có thể gặp khó khăn trong việc giải mã từ ngữ hay khó khăn về nhận thức âm vị (phonemic awareness), hay nhận biết các âm đơn lẻ trong từ.

Rối loạn đọc thường bao gồm khó khăn với việc đọc, ngữ pháp, đọc hiểu (reading comprehension) hay các kỹ năng ngôn ngữ khác.

Một định nghĩa thường gặp khác của rối loạn đọc là một rối loạn sinh học thần kinh (neurobiological) gây nên sự thương tổn in sâu trong sự phát triển các kỹ năng đọc và đánh vần căn bản. Cụ thể hơn, rối loạn đọc bao gồm các thiếu hụt/khó khăn trong các kỹ năng đọc ở mức độ từ. Rối loạn đọc ảnh hưởng đến việc giải mã (decoding) (đọc các từ trên văn bản) và mã hóa (encoding) – đánh vần từ. Vì thế, rối loạn đọc là 1 rối loạn nhận thức phức tạp có nguồn gốc sinh học thần kinh ảnh hướng đến sự phát triển đọc viết (literacy).

2. **Dysgraphia (chứng khó viết/vẽ hay rối loạn viết-vẽ):** những cá nhân có rối loạn viết-vẽ sẽ gặp khó khăn trong việc chuyển đổi suy nghĩ của họ ra hành động viết hoặc vẽ. Chữ viết tay kém là 1 đặc điểm nổi bật của chứng khó viết-vẽ nhưng đây không phải là triệu chứng duy nhất. Các cá nhân có rối loạn này có thể sẽ có khó khăn trong việc giữ khoảng cách chữ viết (letter spacing), kém về lên kế hoạch vận động và nhận thức không gian, cũng như gặp khó khăn trong việc vừa suy nghĩ vừa viết cùng lúc.

3. **Dyscalculia (rối loạn tính toán):** rối loạn tính toán nằm trong các khuyết tật học tập có liên quan đến sự tính toán trong toán học. Các cá nhân có rối loạn tính toán sẽ gặp khó khăn với các khái niệm toán học, con số và suy luận. Các cá nhân được cho là có “rối loạn đọc về mặt toán học” (math dyslexia) sẽ có thể gặp khó khăn trong việc xem giờ trên đồng hồ, đếm tiền, nhận diện các quy luật (patterns), nhớ các công thức toán học hoặc giải toán thầm/trong đầu (mental math).

**4. Auditory processing disorder (rối loạn xử lý thính giác) (APD):** các cá nhân sẽ gặp khó khăn trong việc xử lý âm thanh (lưu ý: các cá nhân này vẫn nghe được âm thanh truyền đến, chứ không phải là nghe kém hoặc điếc). Các cá nhân có APD sẽ có thể nhầm lẫn trật tự của các âm thanh, hoặc không thể lọc (filter) các âm thanh khác nhau, ví dụ như giữa giọng giáo viên và tiếng ồn trong lớp. Não bộ phân biệt/”hiểu” sai các thông tin nhận được và xử lý từ tai.

**5. Language processing disorder (rối loạn xử lý ngôn ngữ)**

Một phân loại phụ của APD, rối loạn xử lý thính giác. Rối loạn xử lý ngôn ngữ xả ra khi 1 cá nhân gặp khó khăn trong việc xử lý (thông tin) ngôn ngữ nói, và bị ảnh hương cả về ngôn ngữ tiếp nhận và ngôn ngữ diễn đạt.

**6. Nonverbal learning disabilities (khuyết tật học tập không lời nói) - NVLD**

Trong khi tên gọi của NVLD nghe có vẻ như về việc mất khả năng nói của 1 cá nhân, thì thực tế NVLD chỉ về các khó khăn trong việc giải mã các hành vi không lời hoặc các hành vi/gợi ý (giao tiếp) xã hội. Người có NVLD sẽ gặp khó khăn trong việc hiểu ngôn ngữ hình thể (body language, biểu cảm khuôn mặt (facial expressions) hay sắc thái giọng (tone of voice), hoặc các yếu tố không lời khác trong giao tiếp.

**7. Visual perceptual/visual motor deficit (khiếm khuyết về nhận thức/cảm thụ thị giác/vận động thị giác)**

Các cá nhân có khiếm khuyết này thường có sự phối hợp tay-mắt kém, thường mất định hướng trong lúc đọc, và có khó khăn trong với các vật dụng như viết chì, chì màu, keo/hồ dán, kéo hay khó khăn trong các hoạt động vận động tinh. Các cá nhân này có thể nhầm lẫn các chữ cái nhìn tương tự nhau, gặp khó khăn trong việc định hướng môi trường xung quanh, hoặc sẽ có các biểu hiện hoạt động mắt bất thường trong lúc đọc hoặc hoàn thành bài tập.

Nguồn bài dịch và tham khảo:

Từ bài viết: "Seven learning disabilities every psychology professional should stuty." https://www.waldenu.edu/.../seven-learning-disabilities...

Từ sách tiếng Anh "Essentials of Dyslexia Assessment and Intervention" của 2 tác giả Nancy Mather, Barbara J. Wendling

Người dịch: Thành Cerreto, M.S., CCC-SLP